

Bản án số: 65/2017/HSST
Ngày 30 tháng 11 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**-----
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ánh Dương

*** *Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Đào Xuân Hải.

2. Ông Trần Anh Dũng.

*** *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Duyên - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

*** *Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thu
Hà- Kiểm sát viên .

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân
Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 64/2017/HSST, ngày
03 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

- *Họ và tên:* *Trịnh Văn T, sinh năm 1973*

- *Tên gọi khác:* Không.

- *Nơi ĐKKHKT và chỗ ở:* thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- *Nghề nghiệp:* Làm ruộng; ***Văn hoá:*** 7/12;

- *Quốc tịch:* Việt Nam; ***Dân tộc:*** Kinh; ***Tôn giáo:*** Không.

- *Bố đẻ:* Trịnh Văn Đ- sinh năm 1947

- *Mẹ đẻ:* Ngô Thị D- sinh năm 1948;

Đều trú tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- *Vợ:* Doãn Thị S, sinh năm 1978;

- *Con:* Bị cáo có 01 con sinh năm 1996;

- *Gia đình bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ hai;*

- *Tiền án:* Ngày 26/11/2013, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 2 năm 10
tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày
19/01/2016.

- Tiền sự: không
- Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/7/2017, hiện đang bị tạm giam tại Công an huyện T. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn T- sinh năm 1991 (Vắng mặt tại phiên toà)

Trú tại thôn N, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Trịnh Xuân H - sinh năm 1996(Có mặt tại phiên toà)

Trú tại: thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN THẤY

Bị cáo Trịnh Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 21/7/2017, Trịnh Văn T- sinh năm 1973 ở thôn L, xã Ph, huyện T, tỉnh Bắc Giang đang ở nhà thì có Nguyễn Văn T1- sinh năm 1991, trú tại thôn N, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và Nguyễn Minh H- sinh năm 1983, trú tại thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang đến nhà T. Khi gặp T, T1 nói với T "Anh bán cho em nửa gờ", vừa nói T1 vừa đưa cho T số tiền 450.000 đồng (gồm 02 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, mỗi tờ có mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có mệnh giá 50.000 đồng). Nghe T1 nói vậy, T hiểu ý T1 muốn hỏi mua của T 450.000 đồng tiền ma túy tổng hợp dạng đá nên T cầm số tiền 450.000 đồng T1 đưa cho đút vào bên trong túi phía trước bên trái quần đang mặc rồi T lấy từ trong túi phía trước bên phải quần đang mặc ra 01 túi ma túy tổng hợp dạng đá (chất tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa viền màu đỏ) đưa cho T1. Khi T1 vừa cầm túi ma túy mua được của T đút vào bên trong túi phía trước bên trái quần T1 đang mặc thì bị lực lượng Công an huyện T phát hiện bắt quả tang. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bao gồm:

- 01 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa viền màu đỏ, bên trong đựng chất tinh thể màu trắng (thu giữ tại túi phía trước bên trái quần Nguyễn Văn T1 đang mặc), được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu "QT".

- 01 đoạn ống nhựa màu trắng đục một đầu hàn kín, bên trong đựng 14 viên nén hình tròn màu hồng đỏ, trên một mặt của mỗi viên có chữ WY (thu giữ tại túi phía trước bên phải quần Trịnh Văn T đang mặc), được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu "QT1".

- Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 450.000 đồng (do Trịnh Văn T tự lấy từ trong túi quần ra giao nộp).

Trong quá trình bắt quả tang, Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra trên người anh Trịnh Xuân H - sinh năm 1996, trú tại thôn L, xã P, huyện T (là con trai của Trịnh Văn T) đã thu giữ tại túi phía trước bên trái quần đùi H đang mặc 01 đoạn ống nhựa màu vàng được hàn kín hai đầu, bên trong đựng 02 viên nén hình

tròn màu hồng đỏ, trên một mặt của mỗi viên nén có chữ WY. Niêm phong trong phong bì thư ký hiệu "KT".

(BL: 22- 24; 46- 48; 52- 62; 64- 67; 92- 109)

Cùng ngày 21/7/2017, Cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật của Trịnh Văn T. Quá trình khám xét thu giữ trên giường ngủ bên trong phòng ngủ ở tầng 2 nhà ở của Trịnh Văn T 02 túi nilon màu trắng có rãnh khóa bằng nhựa bên trong đựng chất tinh thể màu trắng. Niêm phong trong phong bì thư ký hiệu "KX". (BL: 26

Tại Kết luận giám định số 1144 ngày 26/7/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

"5.1. Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong trong 01 (một) phong bì thư có ký hiệu "QT", Phòng PC54 đã sử dụng các phương pháp giám định hiện có nhưng mẫu vật vượt quá khả năng của PC54 Công an tỉnh, không đủ cơ sở để ra kết luận giám định.

5.2. Trong 01 (một) phong bì thư có ký hiệu "QT1" đã được niêm phong gửi giám định:

14 (mười bốn) viên nén hình tròn màu hồng đỏ, trên một mặt của mỗi viên có chữ "WY" đựng trong 01 (một) đoạn ống nhựa màu trắng đục được hàn kín một đầu, một đầu để hở đều là chất ma túy Methamphetamine, có tổng trọng lượng: 1,376 gam.

5.3. Trong 01 (một) phong bì thư có ký hiệu "KT" đã được niêm phong gửi giám định:

02 (hai) viên nén hình tròn màu hồng đỏ, trên một mặt của mỗi viên có chữ "WY" đựng trong 01 (một) đoạn ống nhựa màu vàng được hàn kín hai đầu đều là chất ma túy Methamphetamine, có tổng trọng lượng: 0,195 gam.

5.4. Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong trong 01 (một) phong bì thư có ký hiệu "KX", Phòng PC54 đã sử dụng các phương pháp giám định hiện có nhưng mẫu vật vượt quá khả năng của PC54 Công an tỉnh, không đủ cơ sở để ra kết luận giám định." (BL: 35- 36)

Tại Kết luận giám định số 3802/C54 (TT2) ngày 13/9/2017 của Viện khoa học hình sự Tổng cục Cảnh sát đã kết luận:

"- Phong bì ký hiệu "QT": Chất tinh thể màu trắng trong 01 túi nilon gửi giám định là ma túy, trọng lượng 0,174gam; loại Methamphetamine

- Phong bì ký hiệu "KX": Chất tinh thể màu trắng trong 02 túi nilon gửi giám định là ma túy, tổng trọng lượng 0,165gam; loại Methamphetamine." (BL: 40)

Quá trình điều tra, Trịnh Văn T đã khai nhận về việc T bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn T1 như đã nêu trên. Về nguồn gốc số ma túy đã thu giữ, Trịnh Văn T khai nhận: Trước ngày bị bắt khoảng 5- 6 ngày, T một mình đi đến khu vực cổng Nhà máy phân đạm H (thuộc phường T, thành phố B) tìm mua ma túy với

mục đích mang về nhà cất giấu để sử dụng dần cho bản thân và nếu có người mua thì bán kiếm lời. Tại khu vực cổng Nhà máy phân đạm H, T đã mua của một người đàn ông khoảng 45 tuổi (T không biết tên, tuổi và địa chỉ cụ thể) đang đứng ở ngoài đường 01 gói ma túy tổng hợp dạng đá (chất tinh thể màu trắng) với giá 700.000đồng. Gói ma túy này T mang về nhà, chia ra làm 03 phần (01 phần nhiều và 02 phần ít) rồi cho mỗi phần vào bên trong 01 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa. Ngày 21/7/2017, T vừa bán cho thanh niên có tên là T1 01 gói ma túy tổng hợp dạng đá (phần nhiều) thì bị Công an huyện T phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại túi phía trước bên trái quần Nguyễn Văn T1 đang mặc; 02 gói nhỏ ma túy tổng hợp dạng đá còn lại T cất giấu tại giường ngủ bên trong phòng tầng 2 nhà ở của gia đình T đã bị Cơ quan Công an thu giữ khi khám xét khẩn cấp. 14 viên ma túy tổng hợp dạng hồng phiến (viên nén hình tròn màu hồng đỏ, trên một mặt của mỗi viên có chữ "WY") Cơ quan Công an thu giữ tại túi phía trước bên phải quần T đang mặc và 02 viên ma túy tổng hợp dạng hồng phiến thu giữ tại túi phía trước bên trái quần đùi Trịnh Xuân H đang mặc khi bắt quả tang là của T. Số ma túy này là do sáng ngày 20/7/2017, T một mình đi đến thôn V, xã V, huyện T mua của người thanh niên có tên là V (T không biết họ, tên đệm, tuổi và địa chỉ), khi V đang đứng ở đường, T mua của V 18 viên ma túy tổng hợp dạng hồng phiến với giá 1.000.000 đồng mang về nhà cất giấu để sử dụng cho bản thân và nếu có người mua thì T sẽ bán với giá 100.000 đồng/ 01 viên kiếm lời. Số ma túy này, T đã sử dụng hết 02 viên, 02 viên (được đút vào 01 đoạn ống nhựa màu vàng được hàn kín hai đầu) T đút vào bên trong túi quần đùi của T treo trên móc quần áo ở bên trong nhà tắm, sau đó con trai T là Trịnh Xuân H đã mặc chiếc quần đùi này; 14 viên còn lại (được đút vào 01 đoạn ống nhựa màu trắng đục một đầu hàn kín) Tuấn đút vào bên trong túi phía trước bên phải quần T đang mặc, Cơ quan Công an đã thu giữ số ma túy còn lại này khi bắt quả tang và khi kiểm tra người H. (BL: 95; 99; 101; 109)

Đối với Trịnh Xuân H, sáng ngày 21/7/2017 H tự ý lấy quần đùi của Trịnh Văn T mặc, H không biết bên trong túi quần đùi có ma túy nên H không vi phạm pháp luật.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh qua Công an phường T, thành phố B và Công an xã V, huyện T, kết quả Công an phường T và Công an xã V không xác định được đối tượng đã bán ma túy cho T như T đã khai nên Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan đến 02 đối tượng này ra để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

Đối với Nguyễn Văn T1 đã có hành vi mua ma túy của Trịnh Văn T, nhưng T1 mua ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân, số lượng ma túy T1 tàng trữ không đủ trọng lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên ngày 16/10/2017 Trưởng Công an huyện T đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng đối với Nguyễn Văn T1 về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Đối với Nguyễn Minh H, khi được T1 rủ đến nhà T, T1 không nói cho H biết mục đích đến là để mua ma túy, H không tham gia vào việc mua bán ma túy nên H không vi phạm pháp luật.

Số tiền 450.000 đồng (gồm 02 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, mỗi tờ có mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng) thu giữ của Trịnh Văn T khi bắt quả tang là tiền T bán ma túy cho T1 có được.

Tại Cơ quan điều tra Trịnh Văn T đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 59/KSĐT, ngày 03/11/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên truy tố Trịnh Văn T về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trịnh Văn T đã khai nhận rõ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố.

* Đại diện VKSND huyện T giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

* Áp dụng khoản 1 khoản 5 Điều 194; điểm p Khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33- Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn T từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/7/2017. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Trịnh Văn T 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

* Áp dụng: Khoản 1 Điều 41 của BLHS; khoản 2 Điều 76 - Bộ luật Tố tụng Hình sự :

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì thư dán kín niêm phong bằng dấu niêm phong của Viện khoa học hình sự Bộ Công an tỉnh cùng chữ ký của Giám định viên Hà Hoàng L, bên trong đựng 01 phong bì thư có ký hiệu "QT" và 01 phong bì thư có ký hiệu "KX"; 01 phong bì thư dán kín niêm phong ký hiệu "QT1" được niêm phong bằng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang cùng chữ ký của Giám định viên Hoàng Xuân P; 01 phong bì thư dán kín niêm phong ký hiệu "KT" được niêm phong bằng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang cùng chữ ký của Giám định viên Hoàng Xuân P.

- Tịch thu của bị cáo Trịnh Văn T: 450.000đồng để sung quỹ Nhà nước.

(Vật chứng theo lệnh xuất kho vật chứng số: 45/LXK, ngày 03/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T).

- Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định .

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng.

XÉT THẤY

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Trịnh Văn T khai nhận hành vi: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 21/7/2017, bị cáo đang ở nhà thì có Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Minh H đến nhà. T1 nói với bị cáo "Anh bán cho em nửa gờ", vừa nói T1 vừa đưa cho bị cáo 450.000 đồng. Bị cáo hiểu ý T1 muốn hỏi mua của bị cáo 450.000 đồng tiền ma túy tổng hợp dạng đá nên bị cáo cầm số tiền 450.000 đồng T1 đưa cho đút vào bên trong túi phía trước bên trái quần đang mặc rồi bị cáo lấy từ trong túi phía trước bên phải quần đang mặc ra 01 túi ma túy tổng hợp dạng đá đựng trong 01 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa viền màu đỏ đưa cho T1. T1 vừa cầm túi ma túy mua được của bị cáo đút vào bên trong túi phía trước bên trái quần T1 đang mặc thì bị lực lượng Công an huyện T1 phát hiện bắt quả tang, lập biên bản thu giữ ma túy khi bắt quả tang và sau đó thu giữ ma túy khi khám xét nơi ở của bị cáo.

Lời khai của bị cáo phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản tường trình, bản kiểm điểm và lời khai nhận của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng tang vật chứng là: 0,174gam ma túy Methamphetamine bị cáo bán cho Nguyễn Văn T1; 1,736gam ma túy Methamphetamine do bị cáo mua để sử dụng và bán kiếm lời và kết quả giám định vật chứng. Có đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Trịnh Văn T phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 01 Điều 194 của BLHS. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự công cộng, xâm phạm sự độc quyền quản lý các chất gây nghiện của nhà nước. Vi phạm nghiêm trọng luật phòng chống ma túy. Ma túy là hiểm họa cho đời sống cộng đồng, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và là nguy cơ lây truyền các bệnh xã hội nguy hiểm như HIV, AIDS. Pháp luật đã nghiêm cấm mọi hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy. Bị cáo đã tiếp tay cho việc tiêu thụ ma túy. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo cho việc giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù với thời hạn nhất định để bị cáo có điều kiện tu dưỡng rèn luyện bản thân làm người có ích cho gia đình và xã hội như một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

- Xét nhân thân của bị cáo T thấy:

+ Tháng 6/2005, Công an xã P, huyện T xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi "Trộm cắp tài sản".

+ Ngày 14/01/2006, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Trốn khỏi nơi giam". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/02/2009, chấp hành xong án phí ngày 09/12/2008.

Chứng tỏ bị cáo có nhân thân xấu.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

- Tiền án: Ngày 26/11/2013, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 2 năm 10 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/01/2016. Bị cáo chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS đối với bị cáo.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Nên áp dụng tình tiết xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình được quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 46- BLHS. Bố, mẹ đẻ bị cáo là bà Ngô Thị D, Trịnh Hồng Q được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba và có công với cách mạng thì áp dụng theo quy định của khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 nhưng tình tiết giảm nhẹ này thì được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 vì có công với cách mạng. Áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo T được quy định tại khoản 3 Điều 7 BLHS 2015; Khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc hướng dẫn áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS 2015.

Cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 5 Điều 194 BLHS đối với bị cáo Trịnh Văn T để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Đối với vật chứng cần xử lý như sau: Áp dụng: Khoản 1 Điều 41 của BLHS; khoản 2 Điều 76 - Bộ luật Tố tụng Hình sự :

Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì thư dán kín niêm phong bằng dấu niêm phong của Viện khoa học hình sự Bộ Công an tỉnh cùng chữ ký của Giám định viên Hà Hoàng L, bên trong đựng 01 phong bì thư có ký hiệu “QT” và 01 phong bì thư có ký hiệu “KX”; 01 phong bì thư dán kính niêm phong ký hiệu “QT1” được niêm phong bằng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang cùng chữ ký của Giám định viên Hoàng Xuân P; 01 phong bì thư dán kính niêm phong ký hiệu “KT” được niêm phong bằng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang cùng chữ ký của Giám định viên Hoàng Xuân P.

Tịch thu của bị cáo Trịnh Văn T: 450.000đồng (gồm: 02 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, mỗi tờ có mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Đối với Trịnh Xuân H (là con bị cáo), sáng ngày 21/7/2017 H tự ý lấy quần đùi của Trịnh Văn T mặc, H không biết bên trong túi quần đùi có ma túy nên H không vi phạm pháp luật.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh qua Công an phường T, thành phố Bắc Giang và Công an xã V, huyện T, kết quả Công an phường T và Công an xã V không xác định được đối tượng đã bán ma túy cho T như T đã khai nên Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan đến 02 đối tượng này ra để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

Đối với Nguyễn Văn T1 đã có hành vi mua ma túy của Trịnh Văn T, nhưng T1 mua ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân, số lượng ma túy T1 tàng trữ không đủ trọng lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên ngày 16/10/2017 Trưởng Công an huyện T đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình

thức phạt tiền 1.500.000 đồng đối với Nguyễn Văn T1 về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là đúng.

Đối với Nguyễn Minh H, khi được T1 rủ đến nhà T, T1 không nói cho H biết mục đích đến là để mua ma túy, H không tham gia vào việc mua bán ma túy nên H không vi phạm pháp luật.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng khoản 1 khoản 5 Điều 194; điểm p Khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33- Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn T 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/7/2017. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Trịnh Văn T 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

3. về lãi suất chậm thi hành án: Áp dụng khoản 2 Điều 468 của BLDS.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo không nộp số tiền phạt là hình phạt bổ sung thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Áp dụng: Khoản 1 Điều 41 của BLHS; khoản 2 Điều 76 - Bộ luật Tố tụng Hình sự :

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì thư dán kín niêm phong bằng dấu niêm phong của Viện khoa học hình sự Bộ Công an tỉnh cùng chữ ký của Giám định viên Hà Hoàng L, bên trong đựng 01 phong bì thư có ký hiệu “QT” và 01 phong bì thư có ký hiệu “KX”; 01 phong bì thư dán kính niêm phong ký hiệu “QT1” được niêm phong bằng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang cùng chữ ký của Giám định viên Hoàng Xuân P; 01 phong bì thư dán kính niêm phong ký hiệu “KT” được niêm phong bằng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang cùng chữ ký của Giám định viên Hoàng Xuân P.

- Tịch thu của bị cáo Trịnh Văn T 450.000đồng để sung quỹ Nhà nước.

(Vật chứng theo lệnh xuất kho vật chứng số: 45/LXK, ngày 03/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên).

5. Áp dụng Điều 99; Điều 231; Điều 234 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trịnh Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí HSST .

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu Hs, Vp.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa